

Số: /QĐ-UBND

Cao Lộc, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Hùng,
huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch 136/KH-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 03/5/2012 của UBND huyện Cao Lộc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2011 –2020;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện Cao Lộc về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 tỷ lệ 1/10.000.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 574/BC-KTHT ngày 14/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đề án, phạm vi ranh giới, quy mô lập đề án quy hoạch chung xây dựng:

a. Tên đề án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ 1/10.000.

b. Phạm vi:

- Thuộc địa giới hành chính xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn có ranh giới hành chính như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Bảo Lâm.

+ Phía Nam giáp xã Bình Trung.

+ Phía Đông giáp xã Thạch Đạn và xã Hoàng Đồng thành phố Lạng Sơn.

+ Phía Tây giáp xã Phú Xá.

- Quy mô lập quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Hùng gồm toàn bộ diện tích trong đơn vị hành chính của xã: 2.266,3 ha.

2. Mục tiêu, các yêu cầu, giai đoạn đề án quy hoạch:

2.1. Mục tiêu điều chỉnh quy hoạch:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Việc lập nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới, mục tiêu đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.

- Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái... nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước...); xây dựng, cải tạo công trình; chỉnh trang làng xóm, cảnh quan.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

2.2. Giai đoạn quy hoạch:

Giai đoạn 1: năm 2021 đến năm 2025;

Giai đoạn 2: năm 2025 đến năm 2030.

3. Quy mô dân số, các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch:

3.1. Quy mô dân số, lao động:

Dân số đến năm 2030: 7.500 người.

3.2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu quy hoạch đến năm 2030:

TT	Công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
1	Trụ sở xã	- Diện tích đất $\geq 1.000 \text{ m}^2$ - Diện tích sử dụng: $\leq 500 \text{ m}^2$
2	Nhà ở dân cư	- Diện tích $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$
3	Nhà văn hóa xã	- Diện tích đất: $\geq 1000 \text{ m}^2$
4	Nhà văn hóa thôn	- Diện tích đất $\geq 500 \text{ m}^2$
5	Trường mầm non	- Diện tích đất tối thiểu: $12 \text{ m}^2/\text{cháu}$
6	Trường tiểu học	- Diện tích đất tối thiểu: $10 \text{ m}^2/\text{hs}$
7	Trường trung học cơ sở	- Diện tích đất tối thiểu: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{hs}$
8	Trạm y tế	- Diện tích đất: $\geq 500 \text{ m}^2$ - Có vườn thuốc $\geq 1.000 \text{ m}^2$
9	Sân bãi thể thao	- 01 sân tập thể thao và 01 nhà tập thể thao + DT sân thể thao: $\geq 100\text{m}^2/\text{sân tập từng môn}$ + Nhà thể thao đơn giản: $\geq 100\text{m}^2/\text{nhà tập}$ - Chỉ tiêu đất thể thao: $2-3\text{m}^2/\text{người}$
10	Chợ	- Quy mô Diện tích $\geq 3000\text{m}^2/\text{chợ/xã}$ - Diện tích sử dụng $\geq 3\text{m}^2/\text{Điểm kinh doanh}$
11	Bưu điện văn hóa xã	- Diện tích đất: $\geq 150 \text{ m}^2/\text{Công trình}$
12	Nghĩa trang	- Bán kính phục vụ: 3 km
13	Bãi chôn lấp rác thải	Khoảng cách ly khu dân cư $\geq 3.000\text{m}$, công trình xây dựng $\geq 1.000\text{m}$

TT	Công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật
14	Cây xanh công cộng	Chi tiêu đất tối thiểu: 2 m ² /người
15	Đường từ huyện xuống xã, đường liên xã, đường từ xã đến thôn xóm; liên thôn, bản	- Chiều rộng phần xe chạy dành cho cơ giới: $\geq 3,5$ m/làn xe - Chiều rộng lề gia cố: $\geq 1,5$ m - Chiều rộng mặt cắt ngang rộng: $\geq 6,5$ m
16	Đường nối điểm dân cư thôn, bản	Mặt đường: ≥ 4 m
17	Giao thông chính nội đồng	Mặt đường: $\geq 3,0$ m
18	Cấp nước sinh hoạt	Chi tiêu cấp nước: ≥ 60 lít/người/ ngày đêm
19	Thoát nước thải sinh hoạt	Có hệ thống thoát nước thu gom được tối thiểu 80% lượng nước cấp
20	Cấp điện	- Chi tiêu cấp điện sinh tối thiểu là 200 KWh/người/năm

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Định hướng quy hoạch sử dụng đất của xã Thụy Hùng giai đoạn 2021-2030 như sau:

STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	Diện tích ô đất (ha)	Cơ cấu (%)
A	DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN (I+II+III)	2266.34	100.00
I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	1,691.82	74.65
1.1	Đất trồng cây lâu năm	44.64	1.97
1.2	Đất trồng cây hàng năm (lúa, hoa màu)	143.54	6.33
1.3	Đất rừng sản xuất	1,174.02	51.80
1.4	Đất rừng phòng hộ	278.90	12.31
1.5	Đất nông nghiệp khác	50.72	2.24
II	ĐẤT XÂY DỰNG	529.55	23.37
2.1	Đất ở	179.34	7.91
	<i>Đất ở hiện có</i>	92.31	
	<i>Đất ở mới</i>	87.03	
2.2	Đất dịch vụ công cộng, dịch vụ	18.55	0.82
	<i>Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp</i>	1.25	0.06
	<i>Đất trung tâm y tế</i>	0.08	0.004
	<i>Đất nhà văn hóa</i>	0.34	0.02
	<i>Đất dịch vụ thương mại</i>	14.16	0.62
	<i>Đất trường học</i>	2.05	0.09
	<i>Đất dịch vụ công cộng khác</i>	0.67	0.03
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	14.38	0.63
2.4	Đất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, làng nghề	150.50	6.64
2.5	Đất dự trữ phát triển	38.48	1.70

2.6	Đất HTKT	63.62	2.81
	<i>Đất giao thông</i>	61.34	2.71
	<i>Đất công trình HTKT</i>	2.28	0.10
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất(thủy lợi, kho, trạm, trại..	24.73	
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	24.50	1.08
2.9	Đất hỗn hợp	15.45	0.68
III	ĐẤT KHÁC	44.97	1.98
3.1	Đất cây xanh cách ly, sinh thái, chuyên đề	40.92	1.81
	<i>Cây xanh</i>	32.23	
	<i>Mặt nước(kênh rạch, suối, mặt nước chuyên dùng)</i>	8.69	
3.2	Đất nghĩa trang	4.05	

5. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã:

5.1. Định hướng về cấu trúc phát triển không gian toàn xã:

Cấu trúc không gian toàn xã bao gồm:

- Vùng sản xuất nông nghiệp: Phát triển trên cơ sở các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung hiện nay.

- Đất công trình công cộng: Hoàn thiện hệ thống công trình công cộng ở 2 cấp phục vụ là xã và thôn. Hệ thống công trình công cộng cấp xã phát triển mở rộng tại khu trung tâm chính thuộc trung tâm xã hiện nay.

- Đất ở dân cư nông thôn: Phát triển gắn liền với hệ thống dân cư thôn xóm hiện trạng.

- Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh sản xuất.

- Đất các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật và phục vụ sản xuất.

5.2. Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư:

a. Định hướng tổ chức dân cư mới.

- Tổ chức mạng lưới điểm dân cư

+ Phát triển các điểm dân cư tập trung, hạn chế các điểm dân cư hai bên Quốc lộ 1A mật độ cao, tuyến cao tốc Bắc Giang – Đồng Đăng và tuyến nhánh cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh.

+ Thôn xóm ven các sườn đồi được bố trí thành các dải và lớp.

- Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm bưu điện, truy cập internet. Nhà văn hóa xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

b. Định hướng cải tạo dân cư cũ

Các khu dân cư cũ rải rác trên khắp các sườn đồi, ven đường giao thông tập trung hạn chế phát triển ảnh hưởng hành lang an toàn giao thông. Cải tạo, nâng cấp các hệ thống cống, đường ống gần khu vực dân cư đảm bảo an toàn thoát nước về mùa lũ.

5.3. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng

Bố trí tại các khu dân cư tập trung tại vị trí thuận tiện gần trục đường giao thông chính.

Bao gồm nhà văn hóa cụm dân cư, khu cây xanh, sân vui chơi cộng đồng...

6. Quy hoạch sản xuất

6.1. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp

- Vùng sản xuất lúa: phân bố trên toàn xã thành các vùng trồng lúa. Phát triển hệ thống kênh mương tưới tiêu khu vực trồng lúa tại thôn trên địa bàn xã.

- Vùng sản xuất phát triển vùng trồng mía tại các thôn Khuổi Mười, Tam Lung, Pò Nghiều và Nhất Tâm hiện trạng. Tuy nhiên quá trình đô thị hóa cần diện tích đất trồng mía bị thu hẹp cần chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp dịch vụ phù hợp với từng giai đoạn kinh tế địa phương.

- Vùng cây ăn quả : phát triển tại thôn dựa trên nền khu vực đã có sẵn.

6.2. Quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ

Điểm tiểu thủ công nghiệp:

+ Quy hoạch quỹ đất công nghiệp kho tàng, logistic tại khu vực thôn Nà Pài quy mô khoảng 40ha.

+ Quy hoạch mở rộng quỹ đất khu công nghiệp, kho tàng tại thôn Con Pheo quy mô khoảng 77,84ha.

+ Quy hoạch bố trí quỹ đất công nghiệp, kho tàng (khu tập kết sản xuất kinh doanh nông lâm sản) tại khu vực thôn Khuổi Mười quy mô khoảng 23,37ha.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a. Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1A: Tuyến đường chạy qua một phần địa phận xã Thụy Hùng về phía Bắc với định hướng quy hoạch khoảng 45,0m.

- Đường lộ cao tốc Bắc Giang – Đồng Đăng : Tuyến đường đi qua khu vực phía Bắc xã Thụy Hùng được quy hoạch định hướng giao thông với lộ giới đường xe chạy mặt cắt khoảng 17,0m.

- Tuyến đường nhánh cao tốc Trà Lĩnh – Đồng Đăng : Tuyến đường đi qua khu vực phía Bắc xã Thụy Hùng được quy hoạch định hướng giao thông với lộ giới đường xe chạy mặt cắt khoảng 17,0m.

- Đường đường tỉnh ĐT234: Tuyến đường ĐT234 đoạn đi qua trung tâm xã quy hoạch mặt cắt ngang 13,5m gồm phần đường xe chạy rộng 3,75x2, hè mỗi bên rộng 3m.

b. Giao thông khu vực:

- Đường giao thông liên bản (trục xã), liên xã được thiết kế đạt tiêu chuẩn đường GTNT (Chiều rộng phần xe chạy dành cho xe cơ giới: $\geq 3,5\text{m}$ /làn xe, chiều rộng và lề gia cố: $\geq 1,5\text{m}$, chiều rộng mặt cắt ngang đường: $\geq 6,5\text{m}$)

+ Mở rộng thành 6m -7,5m bề rộng lòng đường, rải nhựa hoặc bê tông hóa.

+ Gia cố cầu cống các đoạn có đường chạy qua đảm bảo khơi thông dòng chảy tránh úng ngập vào mùa mưa lũ.

+ Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đủ bên đường đảm bảo yêu cầu cho giao thông an toàn ngày đêm.

- Đường liên thôn : rộng 3-7,5m kết cấu bê tông.

- Đường sản xuất : gia cố bờ đất tránh sạt lở vào mùa mưa, nâng cao hiệu quả sản xuất của nhân dân.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các tuyến giao thông đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới:

+ Tuyến đường Còn Tòng, cần cứng hoá 1km.

+ Tuyến đường Còn Pheo, cần cứng hoá và mở rộng 0,88km.

+ Tuyến đường Lũng Cọng-Nà Pàn, cần cần cứng hoá và mở rộng 0,4km.

+ Tuyến đường Nà Pàn-Khuổi Khê, cần cứng hoá 2km.

+ Tuyến đường Nà Lại, cần cứng hoá và mở rộng 1,3km.

7.2. Quy hoạch San nền

- Tận dụng quỹ đất bằng, nghèo hữu cơ để phát triển xây dựng.

- Sử dụng giải pháp san cục bộ, tạo mặt bằng công trình, tránh đào đắp tập trung, giữ ổn định nền khu vực xây mới.

- Tại các sườn đồi dốc cần san giạt cấp, xây dựng các ta luy, tường chắn giữ ổn định nền, tránh sạt lở, mái ta luy $m(1,2 \div 1/5)$ tùy theo cấp đất.

7.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung giữa nước mưa và nước thải, dạng hệ thống đơn giản, phù hợp với địa hình miền núi, hạn chế ô nhiễm môi trường.

+ Kết cấu mương, rãnh hở tại các khu vực sườn núi, hạn chế nước mặt tràn qua khu dân cư.

+ Dùng mương nắp đan, cống hộp tại các cụm dân cư mật độ cao, dễ thi công, quản lý, nạo vét thuận tiện, cú thể tận dụng các loại vật liệu địa phương.

+ Sử dụng cống ngầm tại các trục đường chính, khu vực công cộng đảm bảo môi trường vệ sinh.

- Xây dựng bổ sung các cống ở đường liên thôn tại các vị trí khe tụ thủy nhằm thoát lũ nhanh trong mùa mưa.

- Xây dựng hệ thống hồ, đập nhỏ, hạn chế lũ quét mùa mưa, trữ nước canh tác mùa khô, hạn chế xói mòn hữu cơ của đất.

- Khai thác vật liệu xây dựng và khoáng sản cần được thông qua các dự án đã duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

Công tác khác nhằm giảm thiểu tai biến thiên nhiên:

- Nạo vét định kỳ các trục tiêu thoát chính trước mùa lũ; Kè và tạo hành lang bảo vệ trục tiêu (đoạn đi qua khu vực xây dựng mật độ cao)

- Cảnh báo các khu vực, hạn chế xây dựng:

+ Khu vực ven các suối: Hạn chế xây dựng, tránh hiện tượng lũ quét, sạt lở.

+ Cao độ nền xây dựng đảm bảo lớn hơn cao độ mực nước lũ lớn nhất 0,5m: $H_{xd} > H_{max} (\nabla H_{min} \geq 0,5m)$.

+ Dự kiến một số khu vực có thể trú, tránh bão lũ tạm thời hoặc tới định cư khi có sự cố thiên tai xảy ra, kịp thời ổn định đời sống cho các hộ dân cư .

+ Các công trình xây dựng cần lưu ý điều kiện địa chấn để có giải pháp kết cấu an toàn, hợp lý.

- Tăng cường phát triển rừng phòng hộ, hạn chế các nguy cơ về tai biến : hạn hán, cháy rừng, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra.

- Nâng cao nhận thức của bà con dân tộc về việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái. Hạn chế du canh, du cư tự phát.

7.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp: Lấy tuyến điện 35KV xuất tuyến từ trạm 110KV hiện trạng.

+ Lưới 35kV: Tuyến điện 35KV xuất tuyến từ trạm 110KV hiện trạng cho khu vực nghiên cứu, nhưng do khoảng cách truyền tải tương đối xa sẽ nâng tiết diện dây từ AC-95 lên AC-120 để giảm tổn thất và cung cấp điện tin cậy hơn. Các trạm mới xây dựng sẽ đấu nối trực tiếp từ tuyến chính tại các vị trí cột thuận lợi, tất cả đi dây AC-70. Lưới 35kV mới vẫn chạy theo hình tia.

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nổi AV, tiết diện đảm bảo: từ $4 \times AV-70 \div 4 \times AV-120$. Đề nghị người dân thay thế ngay đường dây hạ thế từ công tơ vào nhà để đảm bảo an toàn điện.

- Trạm biến áp 35/0,4kV: Vẫn sẽ vận hành các trạm hiện trạng để cung cấp điện. Xây dựng mới 26 trạm biến áp lưới 35/0,4kV với tổng công suất đặt máy 21478KVA. Các trạm 35/0,4kV dựng trạm xây hoặc trạm treo trên cột. Trạm 35/0,4kV có công suất 630 kVA đến 1000kVA. Bán kính phục vụ các trạm biến áp lưới không quá 600m.

7.5. Quy hoạch cấp nước:

Nguồn cấp nước: Lấy nước từ nhà máy nước của Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn .

Mạng lưới đường ống cấp nước:

- Mạng lưới đường ống phân phối và dịch vụ được thiết kế theo nguyên tắc là mạng vòng kết hợp mạng cụt.

- Các tuyến ống phân phối có kích thước D300mm - D140mm được xây dựng dọc theo đường chính khu dân cư. Các tuyến ống này được bao trùm toàn bộ các công trình có nhu cầu dùng nước lớn đảm bảo cung cấp nước an toàn và ổn định cho khu vực khu đất.

- Các tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ được bố trí trên hệ đường đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác.

7.6. Quy hoạch thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình công cộng (sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ bằng các bể tự hoại) được xả vào hệ thống thoát nước thải của dự án. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Đối với các khu dân cư sống phân tán, rải rác, vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh theo hình thức tự thấm, xí dội nước và xí 2 ngăn hợp vệ sinh.

Nước bẩn sinh hoạt, chủ yếu thải ra từ các nhà dân, nhà vệ sinh công cộng, sẽ được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn cải tiến trước khi xả ra hệ thống thoát nước hoặc ra môi trường bên ngoài.

Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Cặn lắng sau bể Biogas được xử lý đạt tiêu chuẩn tại hộ gia đình trước khi thoát vào hệ thống thoát nước bên ngoài.

Xây dựng trạm xử lý nước thải phía Tây có công suất dự kiến khoảng: 6640,00 m³/ngày.

7.7. Quy hoạch quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

* Chất thải rắn (CTR)

- Giai đoạn đến năm 2030 là 1,0 kg/người. ngày; chỉ tiêu thu gom 100%. Tổng lượng CTR: 39,5 tấn/ngày.

- Thành lập đội vệ sinh môi trường thu gom CTR.

- Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các thôn được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị các thùng đựng CTR công cộng loại 0,5 m³ và xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển CTR từ các điểm tập kết đến điểm trung chuyển.

* Nghĩa trang:

Giai đoạn đến năm 2030: chỉ tiêu 0,06ha/1000 người. Tổng nhu cầu đất nghĩa trang là : 0,40 ha.

Tuyên truyền, giải thích cho người dân dần thích nghi với tập quán chôn cất tập trung vì môi trường sức khỏe của cộng đồng.

Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thụy Hùng, huyện Cao Lộc giai đoạn 2021-2030 kèm theo Quyết định này.

2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan cập nhật các nội dung quy hoạch đã phê duyệt vào quy hoạch sử dụng đất và các đồ án quy hoạch có liên quan.

3. UBND xã Thụy Hùng tổ chức công bố công khai Đồ án điều chỉnh quy hoạch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đồ án được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND xã Thụy Hùng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng(B/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Văn phòng ĐPXDNTM huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- UBND xã Thụy Hùng;
- Công ty CP Tư vấn XD và QH đô thị;
- C, PCVP;
- Lưu: VT, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Mạnh Cường